CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-CP	*Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2019*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; thảo luận, biểu quyết của các thành viên Chính phủ tại phiên họp Chính phủ ngày tháng 5 năm 2019,

QUYẾT NGHỊ:

Ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

1. Đối với Kế hoạch tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chủ trương lớn, các khâu đột phá và giải pháp chủ yếu về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW; xác định các nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình thực hiện và phân công cụ thể cho các bộ, ngành và địa phương có liên quan.

2. Đối với Kế hoạch 5 năm đến năm 2025

Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, cần ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đến năm 2025 nhằm triển khai các chủ trương lớn, khâu đột phá, các giải pháp về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW.

Phân công cụ thể cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp triển khai các nhiệm vụ, bảo đảm phù hợp với năng lực và khả năng huy động các nguồn lực của nền kinh tế, bao gồm ngân sách nhà nước, đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài và viện trợ phát triển.

Thực hiện tốt Kế hoạch 5 năm đến năm 2025 là điều kiện căn bản và quan trọng để thực hiện thành công Kế hoạch tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. Yêu cầu

1. Yêu cầu chung

Quán triệt sâu sắc, nhận thức đầy đủ và toàn diện các nội dung của Nghị quyết số 36-NQ/TW trong suốt quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ.

Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và bảo đảm tính bền vững trong phát triển kinh tế biển Việt Nam, xây dựng thương hiệu biển Việt Nam; tạo được sự bứt phá về khai thác, sử dụng hiệu quả, hợp lý các vùng biển, ven biển và hải đảo; bảo đảm tính khả thi trong huy động và sử dụng nguồn lực, phù hợp với bối cảnh quốc tế và trong nước.

Bảo đảm thực thi các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam trên Biển Đông, phù hợp với luật pháp quốc tế về biển, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) năm 1982.

2. Yêu cầu cụ thể

Triển khai đồng bộ các giải pháp chủ yếu về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam được nêu tại Nghị quyết 36-NQ/TW, trên cơ sở xem xét một cách khách quan, toàn diện năng lực triển khai, điều kiện thực hiện của từng bộ, ngành, địa phương.

Đa dạng hóa, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, bao gồm cả ngân sách nhà nước, đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài, viện trợ phát triển phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

Bảo đảm các nhiệm vụ được phân công thực hiện không trùng lặp, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành, địa phương, có kế thừa kết quả các nhiệm vụ thực hiện trong giai đoạn trước.

B. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP

I. Kế hoạch tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

1. Về quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ

- Định kỳ rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về biển, hải đảo theo hướng ưu tiên hoàn thiện hành lang pháp lý, đổi mới, phát triển mô hình tăng trưởng xanh, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh quốc tế, hiệu quả đầu tư công của các ngành kinh tế biển, các vùng biển, ven biển; khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế trong phát triển bền vững kinh tế biển; phù hợp với chuẩn mực quốc tế và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) năm 1982, trong đó tập trung xây dựng Luật quản lý các đảo và quần đảo. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lập mới các quy hoạch liên quan đến biển trọng tâm là Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi của các quy hoạch.

- Tiếp tục kiện toàn, đổi mới tổ chức và vận hành hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo từ Trung ương đến địa phương; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý về biển, hải đảo có đủ phẩm chất, năng lực, chuyên nghiệp, hiện đại. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý, giữa Nhà nước và cộng đồng dân cư, doanh nghiệp và các bên liên quan thông qua các cơ chế, công cụ điều phối cụ thể. Kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao năng lực quản lý các đảo, quần đảo, bãi ngầm, bãi cạn lúc nổi lúc chìm và vùng ven biển.

- Định kỳ hằng năm đánh giá chỉ số tổng hợp quản trị biển và hải đảo của các tỉnh, thành phố ven biển theo chuẩn mực quốc tế làm cơ sở tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

2. Về phát triển kinh tế biển, ven biển

a) Du lịch và dịch vụ biển

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch cho các địa bàn trọng điểm, khu vực động lực phát triển du lịch ven biển, hải đảo; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển, hình thành các khu dịch vụ du lịch phức hợp, dự án dịch vụ quy mô lớn, các trung tâm mua sắm, giải trí chất lượng cao, các loại hình du lịch sinh thái, thám hiểm khoa học, du lịch cộng đồng.

- Thí điểm phát triển các tuyến du lịch ra các đảo, vùng biển xa bờ kết hợp với các biện pháp tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Hỗ trợ về giá, thuế cho các doanh nghiệp du lịch đầu tư phát triển sản phẩm du lịch sinh thái biển, đảo, các tuyến du lịch ra đảo xa.

- Xúc tiến quảng bá du lịch, đa dạng hoá các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển đẳng cấp quốc tế trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử đặc sắc của các vùng, miền, kết nối với các tuyến du lịch quốc tế. Tổ chức các lễ hội tôn vinh văn hóa biển, ẩm thực biển, tạo sức hấp dẫn du khách trong và ngoài nước đến các vùng biển, đảo của Việt Nam song song với việc khơi dậy lòng yêu nước của người dân.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thuận lợi để người dân ven biển chuyển đổi nghề, trực tiếp tham gia kinh doanh và hưởng lợi từ hoạt động du lịch. Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong phát triển du lịch và dịch vụ biển.

b) Kinh tế hàng hải

Kinh tế hàng hải với trọng tâm là khai thác có hiệu quả các cảng biển và dịch vụ vận tải biển, trong đó:

- Phát triển hệ thống cảng biển theo quy hoạch tổng thể và thống nhất trên quy mô cả nước nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; tạo cơ sở vật chất kỹ thuật để nhanh chóng đưa nước ta hội nhập và đủ sức cạnh tranh trong hoạt động cảng biển với các nước trong khu vực và trên thế giới. Hình thành những đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng với quốc tế làm động lực phát triển các khu kinh tế, đô thị - công nghiệp ven biển.

- Phát triển đội tàu vận tải biển theo hướng hiện đại với chất lượng ngày càng cao, cơ cấu hợp lý, an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng; tăng sức cạnh tranh để chủ động hội nhập trong khu vực và thế giới.

- Phát triển đồng bộ dịch vụ hỗ trợ vận tải, vận tải đa phương thức, đặc biệt nâng cao chất lượng dịch vụ logistics để giảm chi phí logistics, kết nối hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông phát triển dịch vụ logistics thành một ngành dịch vụ đem lại giá trị gia tăng cao, góp phần tăng sức cạnh tranh cho nền kinh tế.

c) Khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác

- Tiếp tục tìm kiếm, thăm dò khoáng sản, dầu khí - các dạng hydrocarbon phi truyền thống tại các bể trầm tích vùng nước sâu xa bờ nhằm gia tăng trữ lượng khoáng sản, dầu khí.

- Nâng cao hiệu quả khai thác, tăng hệ số thu hồi các tài nguyên khoáng sản biển gắn với chế biến sâu; kết hợp hài hoà giữa khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

- Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp có tính dẫn dắt và hạt nhân cho chuỗi hoạt động dầu khí, khoáng sản; tăng cường hợp tác quốc tế, phát triển, trao đổi và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực dầu khí, khoáng sản.

d) Nuôi trồng và khai thác hải sản

- Tập trung phát triển nuôi trồng thuỷ sản trên biển, ven biển theo hướng sản xuất hàng hoá, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao.

- Ưu tiên khai thác thuỷ sản tại các vùng biển xa bờ và viễn dương theo hướng công nghiệp, gắn khai thác bền vững với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thuỷ sản; điều chỉnh sản lượng khai thác và số lượng tàu cá khai thác xa bờ phù hợp với khả năng cho phép khai thác của nguồn lợi thuỷ sản, trong đó tiếp tục giảm nghề lưới kéo đáy và các hình thức đánh bắt tận diệt nguồn lợi thuỷ sản, gia tăng số lượng tàu nghề chụp, lưới vây và nghề câu phù hợp với cơ cấu nghề khai thác, ngư trường trên từng vùng biển. Đẩy mạnh đánh bắt xa bờ bằng việc phát triển đội tàu công suất lớn, trong đó chú trọng vùng biển Trường Sa và DKI, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế biển, tăng cường sự hiện diện để khẳng định chủ quyền biển, đảo.

- Tiếp tục hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng thuỷ sản đồng bộ, gắn kết các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hậu cần, nhằm thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao hiệu quả sản xuất các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến thuỷ sản và tiêu thụ.

- Xây dựng và vận hành các mô hình tổ chức sản xuất trong nuôi trồng và khai thác hải sản hợp lý; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của môi trường và nguồn lợi thuỷ sản; nâng cao mức sống cho cộng đồng ngư dân, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh trên các vùng biển, hải đảo của Tổ quốc.

đ) Công nghiệp ven biển

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường, công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn.

- Phát triển hợp lý các ngành sửa chữa và đóng tàu, lọc hoá dầu, năng lượng, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ.

e) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới

- Phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, tiến tới làm chủ một số công nghệ, thiết kế, chế tạo và sản xuất thiết bị.

- Quan tâm phát triển một số ngành kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển như rừng ngập mặn, dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển…

- Hỗ trợ đầu tư cho các chương trình điều tra, nghiên cứu, chế tạo thử, xây dựng các điểm điển hình sử dụng năng lượng tái tạo; ưu đãi thuế nhập thiết bị, công nghệ mới, thuế sản xuất, lưu thông các thiết bị; bảo hộ quyền tác giả cho các phát minh, cải tiến kỹ thuật có giá trị trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới.

g) Phát triển các vùng biển

- Vùng biển và ven biển phía Bắc (Quảng Ninh - Ninh Bình): Tiếp tục xây dựng khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng trở thành trung tâm kinh tế biển, Quảng

Ninh trở thành trung tâm du lịch quốc gia kết nối với các trung tâm du lịch quốc tế lớn của khu vực và thế giới.

- Vùng biển và ven biển Bắc Trung Bộ, Duyên hải Trung Bộ (Thanh Hoá - Bình Thuận): Phát triển các cảng biển nước sâu trung chuyển quốc tế, cảng biển chuyên dụng gắn với các khu liên hợp công nghiệp, dầu khí, điện, năng lượng tái tạo, công nghiệp sạch; phát triển các trung tâm du lịch lớn; nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, dịch vụ hậu cần và hạ tầng nghề cá.

- Vùng biển và ven Biển Đông Nam Bộ (Bà Rịa - Vũng Tàu - Thành phố Hồ Chí Minh): Phát triển cảng biển container quốc tế, dịch vụ hậu cần cảng biển, dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải, công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp hỗ trợ và các dịch vụ ngành dầu khí.

- Vùng biển và ven biển Tây Nam Bộ (Tiền Giang - Cà Mau - Kiên Giang): xây dựng phát triển Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái biển mạnh mang tầm quốc tế; phát triển công nghiệp khí, chế biến khí, điện khí, năng lượng tái tạo, nuôi trồng, khai thác hải sản, dịch vụ hậu cần, hạ tầng nghề cá; kết nối với các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và thế giới.

h) Phát triển kết cấu hạ tầng biển và ven biển

- Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông, kết nối liên thông các cảng biển với các vùng, miền, địa phương trong nước và quốc tế phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

- Xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ về giá, thuế cho các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển hạ tầng cho kinh tế biển, ven biển.

3. Về nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hoá biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển

- Thống kê, đánh giá chỉ số phát triển con người tại 28 tỉnh, thành phố ven biển và so sánh với chỉ số phát triển con người trung bình của cả nước hằng năm.

- Bổ sung và xây dựng đầy đủ hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục tại các hải đảo.

- Bảo đảm cho người dân sinh sống và làm việc ở vùng biển, hải đảo được tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế có chất lượng, nhằm nâng cao sức khỏe của người dân, bao gồm: củng cố mạng lưới y tế khu vực biển, hải đảo đủ năng lực và phù hợp với đặc thù hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người dân vùng biển, hải đảo; phát triển nguồn nhân lực y tế đủ về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho người dân vùng biển, đảo; trang bị kiến thức cho người dân vùng biển, hải đảo có thể tự bảo vệ sức khỏe, biết tự sơ cấp cứu và đưa người bị nạn đến các cơ sở y tế bảo đảm an toàn; thực hiện đầy đủ các quy định quốc tế về đảm bảo y tế cho hoạt động trên biển.

- Xây dựng, hoàn thiện và phát triển các thiết chế văn hóa cho cộng đồng dân cư biển và ven biển, bao gồm: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế và nguồn kinh phí hoạt động.

- Duy trì, phục hồi và phát triển các lễ hội, di tích lịch sử, văn hóa; bảo tồn không gian văn hóa, kiến trúc và di sản thiên nhiên, duy trì, phát triển các trung tâm văn hoá đặc trưng tại các tỉnh, thành phố ven biển.

- Phổ biến nền tảng kiến thức khoa học về các hệ sinh thái biển và hải đảo; thường xuyên thực hiện các chiến dịch tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của biển và đại dương trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh, thành phố có biển.

- Triển khai thực hiện việc giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, đại dương, khả năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh, sinh viên trong tất cả các bậc học, cấp học.

- Xây dựng cơ chế đồng bộ trong việc quản lý hành lang bảo vệ bờ biển, bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển tại các tỉnh, thành phố ven biển.

4. Về khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển

- Đổi mới, sáng tạo, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ biển gắn với điều tra cơ bản biển.

- Hình thành các trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến, xuất sắc: công nghệ sinh học biển, công nghệ vũ trụ trong giám sát biển, khai thác đáy biển sâu trên cơ sở kế thừa và phát triển nguồn lực sẵn có.

- Đào tạo nguồn nhân lực biển chất lượng cao; có cơ chế thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao trong nước và quốc tế làm việc và cống hiến cho sự nghiệp biển đảo của nước nhà.

- Đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế và khu vực để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng vùng biển, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

5. Về môi trường, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng

- Rà soát, xây dựng, thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Hoàn chỉnh việc tích hợp, số hoá cơ sở dữ liệu về biển và hải đảo của các bộ, ngành, địa phương với cơ sở dữ liệu biển quốc gia; đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ bảo đảm việc nhập, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu biển, hải đảo của các bộ, ngành, địa phương.

- Đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đồng bộ cho hệ thống thu gom và xử lý chất thải nguy hại, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt đạt quy chuẩn môi trường và thực hiện việc thu gom, xử lý.

- Triển khai thực hiện quy hoạch các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu đô thị ven biển đã được phê duyệt bảo đảm theo hướng bền vững, dựa vào hệ sinh thái, thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường.

- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030.

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án điều tra, nghiên cứu khoa học làm cơ sở xác định, đề xuất mở rộng và thành lập mới các khu bảo tồn biển.

- Bảo đảm cơ chế quản lý thống nhất và tăng cường năng lực trong công tác quản lý bảo tồn đa dạng sinh học biển; xây dựng và thực hiện quy chế trao đổi thông tin và phối hợp xây dựng các khu bảo tồn biển liên quốc gia với các nước trong khu vực và các tổ chức quốc tế.

- Triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết hệ thống các khu bảo tồn biển; xây dựng một số công trình hạ tầng thiết yếu và hỗ trợ hoạt động của Ban quản lý đối với các khu bảo tồn biển; xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách chuyển đổi nghề, tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư sống trong và lân cận khu bảo tồn biển.

- Thực hiện các dự án, đề án phục hồi và phát triển các hệ sinh thái san hô, cỏ biển, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển.

- Đầu tư, đưa vào hoạt động ít nhất một vệ tinh chuyên dụng, phục vụ việc giám sát thiên tai, môi trường biển, biến đổi khí hậu, nước biển dâng; kết nối, trao đổi, chia sẻ, cập nhật thông tin với các hệ thống thuộc các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

- Đầu tư xây dựng hệ thống đô thị thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại các tỉnh, thành phố ven biển.

- Nâng cấp hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần; phòng, chống biển xâm thực, xói sạt lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn; hoàn thiện chính sách tài chính và bảo hiểm rủi ro thiên tai.

- Đầu tư xây dựng, củng cố lực lượng, trang thiết bị giám sát, cảnh báo tự động về chất lượng môi trường, ứng phó với sự cố môi trường, hoá chất độc trên biển; quản lý rác thải biển, nhất là rác thải nhựa; cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường biển.

6. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế

- Chủ động, thúc đẩy đàm phán phân định đối với các khu vực biển chồng lấn, giáp ranh với các nước; xác lập chủ quyền đầy đủ quản lý bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của nước ta trên các vùng biển và thềm lục địa, các quần đảo và các hải đảo khác thuộc chủ quyền của Việt Nam.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ vùng trời, các vùng biển và hải đảo của Tổ quốc.

- Xây dựng lực lượng vững mạnh, nòng cốt là Hải quân, Không quân, Cảnh sát biển và Bộ đội Biên phòng, kết hợp cùng lực lượng các quân khu ven biển, kiểm ngư, dân quân tự vệ biển… bảo đảm năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo và thực thi pháp luật trên biển, nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng, tránh và giảm nhẹ thiên

tai, cứu hộ, cứu nạn trên biển, làm chỗ dựa vững chắc cho nhân dân làm ăn, sinh sống trên các vùng biển, đảo và các hoạt động phát triển kinh tế biển; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên biển thông qua hoạt động kinh tế - quốc phòng.

- Củng cố vững chắc thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân vùng biển, đảo. Tăng cường năng lực ứng phó, giải quyết có hiệu quả các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống khu vực biển.

- Xây dựng lực lượng công an khu vực ven biển, đảo, các khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển vững mạnh toàn diện, làm nòng cốt cho bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội vùng biển, đảo, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh, an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế khu vực biển, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu lợi dụng các vấn đề về biển, đảo để chống phá. Giữ vững ổn định chính trị, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh tại vùng ven biển, hải đảo.

- Đầu tư trang thiết bị hiện đại, chú trọng đào tạo nhân lực, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và tăng cường khả năng hiệp đồng, tác chiến của các lực lượng tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo, lợi ích, an ninh quốc gia, an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế khu vực biển.

- Đẩy mạnh dân sự hoá trên biển, đảo gắn với tổ chức dân cư, tổ chức sản xuất và khai thác biển; khuyến khích nhân dân ra đảo định cư lâu dài và làm ăn trên các vùng biển xa, vừa phát triển kinh tế vừa làm nhiệm vụ bảo vệ biển, đảo; tiếp tục xây dựng các khu kinh tế quốc phòng tại các đảo, quần đảo.

II. Kế hoạch 5 năm đến năm 2025

1. Về quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ

- Sửa đổi Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; nghiên cứu xây dựng các dự án Luật khai thác, sử dụng các khu vực biển, Luật quản lý vùng bờ; các nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật khác về quản lý hoạt động lấn biển, quản lý đảo, quản lý đất ngập nước ven biển; xây dựng bộ tiêu chí, chỉ tiêu thống kê quốc gia về phát triển bền vững kinh tế biển, bộ tiêu chí và chỉ số tổng hợp quản lý vùng biển cấp tỉnh, thành phố ven biển theo chuẩn mực quốc tế; Lập Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

- Xây dựng trình Quốc hội thông qua Nghị quyết về tăng cường nguồn lực đầu tư cho các lực lượng làm nhiệm vụ thực thi pháp luật, làm công tác điều tra cơ bản và quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, hải đảo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

- Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; làm cơ sở xây dựng và ban hành Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên,

bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Kiện toàn Cơ quan điều phối liên ngành chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển do Thủ tướng Chính phủ đứng đầu; giao Bộ Tài nguyên và Môi trường làm cơ quan thường trực, giúp việc cơ quan điều phối; thành lập Văn phòng thường trực tại Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

- Rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và các bộ, ngành có liên quan bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển, đảo.

- Kiện toàn cơ quan điều phối liên ngành chỉ đạo thống nhất thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển do Chủ tịch UBND cấp tỉnh là người đứng đầu và tăng cường cơ sở vật chất, năng lực quản lý nhà nước tổng hợp thống nhất về biển và hải đảo cho Chi cục quản lý biển và hải đảo tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển, bảo đảm tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Xây dựng và đưa vào vận hành ổn định, thông suốt cơ chế phối hợp, liên thông trong cấp phép nhận chìm ở biển, xả nước thải vào môi trường biển, giao khu vực biển nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý việc khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

- Định kỳ 02 năm một lần tổ chức Diễn đàn phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam nhằm đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, đồng thời huy động sự hợp tác và các nguồn lực phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

- Xây dựng và đưa vào hoạt động Quỹ hỗ trợ phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam với sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế trong nước và các đối tác quốc tế.

- Xây dựng và thí điểm triển khai mô hình quản trị biển thông minh, tiên tiến ứng dụng công nghệ hiện đại 4.0 tại một số đô thị lớn ven biển, bao gồm: Hải Phòng, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu và Kiên Giang.

- Đa dạng hoá hình thức và nội dung tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; tri thức về biển và hải đảo tới nhân dân trong nước, kiều bào ta ở nước ngoài và cộng đồng quốc tế. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình truyền thông về biển và hải đảo đến năm 2030.

2. Về phát triển kinh tế biển, ven biển

a) Du lịch và dịch vụ biển

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị khóa XII về

phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; trong đó tập trung phát triển du lịch và dịch vụ biển.

- Rà soát, xây dựng và ban hành các chính sách ưu đãi cho công tác quy hoạch, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, xúc tiến quảng bá du lịch, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú cho người nước ngoài ở Việt Nam để tạo sự phát triển đột phá cho du lịch và dịch vụ biển; sửa đổi, bổ sung danh mục ưu đãi đầu tư bao gồm các dự án du lịch tại các địa bàn trọng điểm, khu vực động lực phát triển du lịch ven biển, hải đảo.

- Hoàn thiện bộ tiêu chuẩn quốc gia về du lịch tương thích với các tiêu chuẩn trong ASEAN; rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về du lịch theo hướng hội nhập, hướng đến tiêu chuẩn cao của khu vực và quốc tế.

- Xây dựng và phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng biển chất lượng cao tại một số tỉnh Quảng Ninh, Khánh Hòa, Kiên Giang. Thí điểm phát triển du lịch sinh thái tại một số đảo xa bờ, trong đó có một đảo tại Trường Sa.

b) Kinh tế hàng hải

- Tập trung xây dựng và nâng cao hiệu quả quản lý khai thác cảng cửa ngõ quốc tế tại Hải Phòng (Lạch Huyện), Bà Rịa - Vũng Tàu và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Đối với cảng cửa ngõ quốc tế Bà Rịa - Vũng Tàu (khu bến cảng Cái Mép) bố trí vốn đầu tư nâng cấp hạ thấp cao độ đáy luồng vào bến cảng Cái Mép để có thể đón các tàu lớn trọng tải đến 200.000 tấn (18.000 TEU); các cảng chuyên dùng quy mô lớn cho các liên hợp luyện kim, lọc hoá dầu, trung tâm nhiệt điện sử dụng than. Đồng thời, cải tạo nâng cấp các cảng đầu mối hiện có; xây dựng có trọng điểm một số cảng địa phương theo chức năng, quy mô phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và khả năng huy động vốn. Phát triển cảng tại các huyện đảo với quy mô phù hợp để tiếp nhận hàng hoá phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Tiếp tục phát triển đội tàu biển Việt Nam theo hướng hiện đại, hiệu quả; chú trọng phát triển các loại tàu chuyên dụng có trọng tải lớn đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu, tuyến quốc tế, các tuyến ven biển, vận tải than phục vụ nhà máy nhiệt điện, vận tải dầu thô phục vụ nhà máy lọc dầu, ga, khí hoá lỏng, xi măng… Tiếp tục phát huy hiệu quả, đảm bảo an toàn khai thác tuyến vận tải hành khách ven biển, từ bờ ra đảo. Tiếp tục phát triển đồng bộ dịch vụ hỗ trợ vận tải biển, vận tải đa phương thức, đặc biệt nâng cao chất lượng dịch vụ logistic.

- Nâng cao thị phần vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu. Phát triển tuyến vận tải hành khách ven biển, hải đảo. Đồng thời, tăng cường vai trò quản lý nhà nước, đổi mới thể chế chính sách tạo khung pháp lý minh bạch, thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính theo hướng tạo điều kiện, tháo gỡ các khó khăn, rào cản, tạo động lực khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đội tàu biển.

- Phát triển dịch vụ vận tải biển đồng bộ với hệ thống cảng biển, tập trung khai thác hiệu quả các tuyến vận tải biển nội địa nhằm giảm tải cho đường bộ;

góp phần giảm chi phí, nâng cao sản lượng vận tải. Phát huy tối đa lợi thế về vị trí của các cảng biển, đặc biệt là cảng cửa ngõ quốc tế để thu hút các tàu trọng tải lớn vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đi các tuyến vận tải biển xa; tăng cường hợp tác với các cơ quan quản lý cảng biển, hãng tàu biển nước ngoài để thu hút nguồn hàng thông qua Cảng biển Việt Nam.

c) Khai thác dầu khí và các tài nguyên, khoáng sản biển khác

- Nghiên cứu, thăm dò các bể trầm tích, các dạng hydrocarbon phi truyền thống (băng cháy, khí than, khí sét, dầu trong sét …).

- Gắn việc tìm kiếm, thăm dò dầu khí với điều tra, khảo sát, đánh giá tiềm năng các tài nguyên, khoáng sản đáy biển, đặc biệt là các khoáng sản có giá trị cao, có ý nghĩa chiến lược.

- Áp dụng, cập nhật công nghệ cao trong tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến và phân phối sản phẩm dầu, khí và các khoáng sản biển khác, bảo đảm hiệu quả cao, nâng cao hệ số thu hồi dầu khí và tiết kiệm các nguồn lực khác, bảo vệ tốt tài nguyên sinh thái.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời xây dựng cơ chế chính sách thuận lợi và khuyến khích phục vụ công tác tìm kiếm thăm dò và khai thác hiệu quả, an toàn dầu khí, khoáng sản theo từng giai đoạn.

d) Nuôi trồng và khai thác hải sản

- Chuyển đổi từ các mô hình nuôi trồng thuỷ sản quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu sang nuôi công nghiệp, quy mô lớn với công nghệ hiện đại, bền vững, bảo vệ môi trường; chuyển dịch ngư trường từ vùng biển ven bờ, nơi có hệ sinh thái đặc thù, nhạy cảm, nguồn lợi thuỷ sản có chiều hướng suy giảm và dễ chồng lấn với các hoạt động kinh tế khác ra vùng lộng và vùng khơi.

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách ưu tiên đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng thuỷ sản phục vụ phát triển kinh tế biển như khai thác thuỷ sản, nuôi biển, các công trình trên các vùng hải đảo và các ngư trường trọng điểm; khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp tư nhân và đặc biệt là hình thức hợp tác công tư trong các lĩnh vực thuỷ sản như nuôi trồng, khai thác, chế biến, bảo quản, xuất khẩu hải sản, hiện đại hóa hệ thống hậu cần nghề cá.

- Tiếp tục xây dựng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, đặc biệt là trên các đảo quan trọng nhằm hỗ trợ ngư dân khai thác hiệu quả trên các vùng biển xa bờ; xây dựng và vận hành 6 trung tâm nghề cá lớn, trong đó có 5 trung tâm nghề cá lớn gắn với các ngư trường trọng điểm.

- Điều tra, đánh giá nguồn lợi thuỷ sản và môi trường sống của loài thuỷ sản làm cơ sở quy hoạch, tổ chức sản xuất và quản lý đối với khai thác hải sản; nghiên cứu, áp dụng các phương pháp, ngư cụ, thiết bị khai thác tiên tiến, công nghệ bảo quản sau thu hoạch để nâng cao hiệu quả.

- Thành lập, hỗ trợ một số doanh nghiệp nòng cốt khai thác, nuôi trồng, chế biến thuỷ sản ở vùng biển xa bờ và viễn dương.

đ) Công nghiệp ven biển

- Rà soát, đánh giá, xác định ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp cao thân thiện với môi trường, công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn tại các khu kinh tế biển đã được phê duyệt.

- Ưu tiên các ngành công nghiệp chế biến sâu, ứng dụng công nghệ cao để gia tăng giá trị.

- Điều chỉnh quy hoạch các ngành công nghiệp có sử dụng nhiên liệu hóa thạch, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và gia tăng phát thải khí nhà kính.

e) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới

- Ưu tiên đầu tư phát triển năng lượng tái tạo trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Cho phép các cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước phối hợp đầu tư khai thác nguồn năng lượng mới và tái tạo trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

- Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác.

- Phát triển các dự án điện gió tại một số tỉnh có tiềm năng trước hết là tại các tỉnh Bình Thuận, Bạc Liêu, Cà Mau.

g) Phát triển các vùng biển

- Tập trung phát triển du lịch, dịch vụ biển tại vùng có tiềm năng, lợi thế, cụ thể là tại một số địa phương ven biển.

- Tập trung phát triển nuôi trồng hải sản theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao tại vùng biển và ven biển Bắc Trung Bộ, Duyên hải Trung Bộ và vùng biển và ven biển Tây Nam Bộ.

h) Phát triển kết cấu hạ tầng biển và ven biển

- Tiếp tục xây dựng tuyến đường bộ ven biển Việt Nam theo quy hoạch.

- Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng các cảng biển, bến neo đậu, cầu cảng tại các vũng, vịnh, đô thị ven biển kết nối với các đảo, đặc biệt là hạ tầng cầu cảng tại các đảo Cô Tô, Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ, Lý Sơn, Cù Lao Chàm, Trường Sa, Phú Quý, Côn Đảo, Phú Quốc... để tăng cường khả năng tiếp cận điểm đến từ biển.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực và tập trung tổ chức thực hiện mạnh mẽ, hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng vùng biển, ven biển.

- Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng về nước sạch và thủy lợi cấp, tiêu thoát nước cho phát triển các ngành kinh tế, sinh hoạt, du lịch, dịch vụ.

3. Về nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hoá biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển

- Thống kê, đánh giá chỉ số phát triển con người tại 28 tỉnh, thành phố ven biển và so sánh với chỉ số phát triển con người trung bình của cả nước hằng năm.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng kinh tế - xã hội tại các đảo có người dân sinh sống; bổ sung và xây dựng đầy đủ hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục trên các đảo có người dân sinh sống còn thiếu hoặc chưa có.

- Ban hành bộ tiêu chí chuẩn về y tế cho vùng biển, đảo; đào tạo, bổ túc bác sỹ về Y học biển để có đủ năng lực cấp cứu, khám chữa bệnh các bệnh lý đặc thù biển cho các bệnh viện/trung tâm y tế huyện đảo và các bệnh viện ven biển thuộc các Bộ ngành kinh tế biển; 100% các xã đảo độc lập có trạm y tế xã đạt tiêu chí chuẩn y tế cho vùng biển, đảo; 70% bệnh viện/trung tâm y tế huyện đảo có khả năng triển khai kỹ thuật ngoại khoa tương đương bệnh viện hạng 2 và được trang bị hệ thống trợ giúp y tế từ xa - telemedicine từ bệnh viện vùng đến bệnh viện/trung tâm y tế huyện đảo và nhà dàn; đầu tư cho 04 trung tâm 115 đủ khả năng phối hợp cấp cứu, vận chuyển cấp cứu trên biển; 6 bệnh viện có trung tâm thu nhận và điều trị bệnh đặc thù vùng biển, đảo và đóng mới 01 tàu biển có chức năng là tàu bệnh viện, trang bị thêm tính năng cấp cứu y tế cho 1 - 2 tàu Cảnh sát biển; 100% người lao động trên các tàu biển, nhà dàn có kiến thức tự bảo vệ sức khỏe và biết kêu gọi sự trợ giúp khi có tình huống cấp cứu; 100% tàu vận tải biển - tàu viễn dương thực hiện đầy đủ các quy định quốc tế về bảo đảm y tế biển.

- Nâng cao điều kiện làm việc/ nhận thức về an toàn, an ninh hàng hải cho người đi biển và ngư dân.

- Đánh giá hiện trạng thiết chế văn hoá và xây dựng các giải pháp nhằm duy trì thiết chế văn hóa cho cộng đồng dân cư biển và ven biển, bao gồm: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế và nguồn kinh phí hoạt động.

- Phục hồi, nâng cấp và xây dựng mới các trung tâm văn hóa biển đặc trưng tại các tỉnh, thành phố ven biển, trước hết là tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Kiên Giang.

- Biên soạn và đưa vào chương trình giáo dục các tài liệu về biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh ở cấp học và sinh viên các bậc học; giáo dục nâng cao nhận thức cho công đồng dân cư tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Rà soát, đánh giá việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tại các tỉnh, thành phố ven biển.

4. Về khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển

- Xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về biển và hải đảo theo hướng thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến; đẩy mạnh nghiên cứu, xác lập luận cứ khoa học cho việc hoạch định, hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển bền vững kinh tế biển; nghiên cứu gắn với điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển liên quan tới phóng xạ, năng lượng nguyên tử.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực khoa học biển đến năm 2025 được ban hành theo Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu gắn với nhu cầu phát triển kinh tế biển của địa phương có biển, đảo; triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu về khoa học và công nghệ biển gắn với doanh nghiệp.

- Tập trung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển, nhất là nhân lực chất lượng cao.

5. Về môi trường, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng

- Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ có tính cấp bách, quan trọng và thời sự phục vụ quy hoạch không gian biển quốc gia và các ngành kinh tế biển thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Triển khai việc tích hợp và số hoá cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của các bộ, ngành, địa phương với cơ sở dữ liệu biển quốc gia; đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ bảo đảm việc nhập, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu biển, đảo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Kiên Giang.

- Đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đồng bộ cho hệ thống thu gom và xử lý chất thải nguy hại, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt đạt quy chuẩn môi trường và thực hiện việc thu gom và xử lý tại các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Kiên Giang.

- Triển khai thực hiện quy hoạch các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu đô thị ven biển theo hướng bền vững, dựa vào hệ sinh thái, thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường các tỉnh ven biển Trung Bộ và Nam Bộ.

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương và triển khai tại các tỉnh Quảng Ninh, Khánh Hòa, Kiên Giang.

- Nghiên cứu, đề xuất tăng diện tích bảo tồn biển và mở rộng ranh giới các khu bảo tồn biển Cát Bà, Nam Yết, Phú Quốc; thành lập mới các khu bảo tồn biển Thuyền Chài, Thổ Chu, Nam Du.

- Phối hợp với các các quốc gia và các tổ chức quốc tế trong việc tìm kiếm các nguồn tài trợ, giúp đỡ về tài chính và kỹ thuật nhằm tăng cường năng lực trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học biển tại vùng biển quốc gia và vùng biển quốc tế; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hợp tác xây dựng các khu bảo tồn biển liên quốc gia với các nước trong khu vực và các tổ chức quốc tế như khu vực biển vịnh Bắc Bộ, khu vực Hoàng Sa, khu vực Trường Sa, khu vực vịnh Thái Lan.

- Tiếp tục hoàn thiện các ban quản lý và đầu tư cơ sở hạ tầng của 16 khu bảo tồn biển đã được phê duyệt trong quy hoạch hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam; xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách chuyển đổi nghề, tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư tại các khu bảo tồn biển Cát Bà, Lý Sơn, Cù Lao Chàm, Hòn Mun, Phú Quốc.

- Thực hiện các dự án, đề án phục hồi và phát triển các hệ sinh thái san hô tại vùng biển Nam Trung Bộ; rừng ngập mặn và rừng phòng hộ ven biển toàn quốc, trong đó ưu tiên khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Thực hiện chế tạo, thử nghiệm đưa vào hoạt động ít nhất một vệ tinh nhân tạo chuyên dụng phục vụ việc giám sát thiên tai, môi trường biển, biển đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống đô thị thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại các thành phố Hạ Long, Hải Phòng, Hội An, Bạc Liêu, Phú Quốc.

- Thực hiện đầu tư, nâng cấp hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần khu vực Hải Phòng, Hội An; phòng, chống biển xâm thực, xói lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn; hoàn thiện chính sách tài chính và bảo hiểm rủi ro thiên tai tại khu vực các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Tổ chức nghiên cứu, thực hiện đầu tư xây dựng, củng cố lực lượng, trang thiết bị giám sát, dự báo, cảnh báo tự động về chất lượng môi trường biển, ứng phó có hiệu quả các vấn đề về ô nhiễm, sự cố môi trường biển, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Thực hiện xây dựng Trung tâm quốc tế quản lý rác thải nhựa trên biển tại Việt Nam.

6. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế

- Nắm chắc tình hình thế giới, khu vực, trong nước, tình hình Biển Đông liên quan việc thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW; kịp thời tham mưu và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

- Tăng cường bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh mạng, an ninh môi trường phục vụ triển khai thực hiện đúng, đầy đủ, hiệu quả các chủ trương, giải pháp nêu trong Nghị quyết 36-NQ/TW, các kế hoạch, quy hoạch phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam của Đảng, Nhà nước.

- Giải quyết ổn định các vụ tranh chấp, khiếu kiện phức tạp, kéo dài, nhất là các vụ khiếu kiện liên quan đến đất đai, ô nhiễm môi trường, dân tộc, tôn giáo, không để hình thành "điểm nóng" về an ninh, trật tự an toàn khu vực biển.

- Kiềm chế sự gia tăng, kéo giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và hành vi vi phạm pháp luật, nhất là các loại tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh vùng biển, đảo.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự tại các vùng ven biển, hải đảo và các khu vực có hoạt động kinh tế biển, nhất là trong quản lý cư trú, quản lý xuất nhập cảnh, người nước ngoài, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

- Hoàn thiện tổ chức các lực lượng bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực thi pháp luật khu vực biển. Bố trí đầy đủ lực lượng Công an chính quy tại tất cả các xã ven biển, huyện đảo, xã đảo làm nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh phục vụ bảo vệ chủ quyền, bảo đảm an ninh, trật tự và phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam. Nâng cao năng lực sản xuất các sản phẩm công nghiệp an ninh theo hướng lưỡng dụng, đáp ứng nhu cầu công tác bảo vệ an ninh, trật tự vùng biển, đảo.

- Chủ động, tích cực tham gia và đề xuất, thực hiện các sáng kiến hợp tác tại các diễn đàn quốc tế và khu vực, nhất là các hoạt động hợp tác biển trong khuôn khổ ASEAN và khu vực Thái Bình Dương.

- Phối hợp với các nước thực hiện đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC), thúc đẩy ký Bộ Quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC); tập huấn, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành các nội dung về luật biển, thực hành các Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông (sau khi ký kết) cho các đối tượng tham gia các hoạt động trên biển, đảo.

- Thực hiện nghiêm túc các điều ước, thoả thuận khu vực và quốc tế về biển, đại dương mà Việt Nam đã tham gia; nghiên cứu thúc đẩy tham gia các điều ước quốc tế về các lĩnh vực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, nghiên cứu khoa học biển; thúc đẩy hình thành Công ước quốc tế về phòng, chống rác thải nhựa đại dương, vận động đăng cai đặt Ban thư ký Công ước tại Việt Nam.

- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác, các tổ chức quốc tế để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng vùng biển, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

1. Cơ quan điều phối liên ngành chỉ đạo toàn diện việc triển khai Nghị quyết này; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá toàn diện việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW để báo cáo Chính phủ.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Cơ quan điều phối liên ngành theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình và định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ 02 năm một lần tổ chức Diễn đàn phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam để kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các giải pháp đã đề ra từ diễn đàn lần trước và thảo luận,

đề xuất các định hướng chiến lược, giải pháp mới với kết quả và thời hạn hoàn thành cụ thể theo yêu cầu của Cơ quan điều phối liên ngành, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ.

3. Bộ Ngoại giao thực hiện tốt công tác biên giới, lãnh thổ quốc gia trên biển; chủ trì, điều phối công tác thông tin đối ngoại, điều ước, thỏa thuận quốc tế, dự báo chiến lược các vấn đề quốc tế liên quan đến chính sách phát triển các vùng biển Việt Nam; đẩy mạnh việc tham gia hiệu quả của Việt Nam tại các diễn đàn quốc tế liên quan đến phát triển kinh tế biển.

4. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan bảo đảm thực hiện tốt việc xác lập chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của nước ta trên các vùng biển, thềm lục địa, các quần đảo, hải đảo thuộc chủ quyền Việt Nam; giữ vững an ninh, chính trị, kinh tế - xã hội các vùng biển, hải đảo.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xác định các nhiệm vụ sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nhiệm vụ thu hút các nguồn vốn khác trong và ngoài nước; ưu tiên và kịp thời bố trí nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ triển khai, phát huy hiệu quả các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển.

6. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản ưu đãi về thuế, phí, lệ phí và nguồn tiền khác cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển.

7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện tốt Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng cơ chế, chính sách để phát huy các tuyến du lịch sinh thái tại một số đảo xa bờ.

8. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện tốt các quy định về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), phòng, chống thiên tai từ biển; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng các chính sách về nuôi trồng và khai thác hải sản, bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái rừng ngập mặn.

9. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu đô thị sinh thái ven biển gắn với hình thành các trung kinh tế biển mạnh; thực hiện tốt hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật cho các địa phương ven biển, vùng biển và hải đảo.

10. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành hoặc trình có thẩm quyền ban hành, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và vận tải đường bộ, đường sắt, hàng hải và hàng không phục vụ phát triển kinh tế biển; tham mưu đề xuất Cơ quan điều phối liên ngành về hợp tác công – tư trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển.

11. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các chính sách về phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho phát triển kinh tế biển; phát triển các ngành công nghiệp ven biển có trọng tâm, trọng điểm và thân thiện với môi trường

12. Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết này xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai cụ thể trước quý III năm 2019; tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tạo chuyển biến mạnh mẽ nhằm phát triển bền vững kinh tế biển; định kỳ tháng 12 hàng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch của mình gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Cơ quan điều phối liên ngành, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ.

- Chủ trì rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan đến biển và hải đảo thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 36-NQ/TW và Nghị quyết này, hoàn thành trước tháng 12 năm 2020 làm cơ sở để Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Chiến lược, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ và Chiến lược, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo phương pháp tích hợp đa ngành.

- Tiếp tục thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chỉ thị, nghị quyết, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành những năm trước đây còn hiệu lực thi hành thuộc phạm vi điều chỉnh trên các vùng biển, ven biển và các hải đảo; đồng thời triển khai thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch hành động này (Phụ lục kèm theo).

II. Đề nghị Bộ Chính trị quan tâm chỉ đạo lồng ghép các nội dung của Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 vào trong Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; chỉ đạo các các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tích cực phối hợp với Ban cán sự đảng Chính phủ và Cơ quan điều phối liên ngành trong việc lãnh đạo thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW.

III. Đề nghị Quốc hội xem xét đưa vào chương trình công tác để xem xét thông qua các dự án luật, pháp lệnh và nghị quyết; điều chỉnh, bổ sung và bố trí ngân sách triển khai chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết.

IV. Đề nghị Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp đẩy mạnh các hoạt động giám sát, tuyên truyền trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, Cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- Văn phòng trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ

TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TỔNG THỂ ĐẾN NĂM 2030 VÀ KẾ HOẠCH 5 NĂM ĐẾN NĂM 2025

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số NQ/CP ngày tháng 5 năm 2019 của Chính phủ)

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
I	**Về quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ**			
Đến năm 2025				
1	Dự án rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về biển	Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Chính phủ
2	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Quốc hội
3	Dự án Luật khai thác, sử dụng các khu vực biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Quốc hội
4	Xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Quốc hội

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
5	Nghị quyết của Quốc hội về tăng cường nguồn lực đầu tư cho công tác điều tra cơ bản và quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, hải đảo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Quốc hội
6	Nhiệm vụ xây dựng bộ chỉ tiêu thống kê quốc gia về biển và hải đảo và bộ chỉ tiêu đánh giá quốc gia biển mạnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Chính phủ
7	Quy hoạch không gian biển quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Quốc hội
8	Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Chính phủ
9	Đề án kiện toàn Cơ quan điều phối liên ngành chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển do Thủ tướng Chính phủ đứng đầu	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
10	Đề án tăng cường năng lực và hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo đến năm 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
11	Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
12	Tổng kết thực hiện Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và xây dựng Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
13	Dự án xây dựng và hiện đại hoá hệ thống thông tin tích hợp phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
14	Lập hồ sơ hải đảo và bãi bồi của các địa phương có biển	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan	UBND cấp tỉnh
Giai đoạn 2026 - 2030				
1	Nghiên cứu, xây dựng Dự án Luật quản lý các đảo và quần đảo	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Quốc hội
2	Nghiên cứu, xây dựng Dự án Luật quản lý tổng hợp vùng bờ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Quốc hội
3	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính biển 3D phục vụ công tác quản lý biển Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
4	Đề án tăng cường năng lực Mạng lưới các trạm khí tượng hải văn phục vụ điều tra cơ bản, cảnh báo, dự báo biển đặc biệt là mực nước biển dâng trong điều kiện biến đổi khí hậu	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
II	**Về phát triển kinh tế biển, ven biển**			
Đến năm 2025				
1	Đề án phát triển bền vững du lịch, dịch vụ biển và hải đảo Việt Nam đến năm 2030	Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
2	Dự án phát triển một số khu du lịch ven biển chất lượng cao tại một số địa phương ven biển (Quảng Ninh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, Kiên Giang)	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành có liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Dự án phát triển bền vững các xã đảo, huyện đảo tiền tiêu và một số đảo xa bờ gắn với du lịch sinh thái chất lượng cao, kết hợp với bảo đảm an ninh, quốc phòng	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
4	Tiếp tục xây dựng tuyến đường bộ ven biển Việt Nam theo quy hoạch	Bộ Giao thông vận tải và các địa phương có biển	Các bộ, ngành có liên quan	Quốc hội
5	Đề án nghiên cứu, thăm dò các dạng hydrocarbon phi truyền thống (băng cháy, khí than, khí sét, dầu trong sét…).	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
6	Đề án phát triển nuôi trồng hải sản theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường tại một số địa phương ven biển thuộc vùng biển và ven biển Bắc Trung Bộ, Duyên hải Trung Bộ và vùng biển và ven biển Tây Nam Bộ: Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Bến Tre, Cà Mau	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
7	Đề án tổ chức lại hoạt động khai thác thủy sản trên các vùng biển và chuyển đổi một số nghề khai thác thủy sản ven bờ, vùng lộng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
	nghề khai thác mang tính tận diệt, không thân thiện với môi trường và nguồn lợi thủy sản			
8	Đề án phát triển khai thác hải sản xa bờ và viễn dương cho một số địa phương ven biển thuộc vùng biển và ven biển Bắc Trung Bộ, Duyên hải Trung Bộ: Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
9	Dự án giảm thiểu đội tàu cá khai thác thủy sản vùng biển ven bờ, vùng lộng và chuyển đổi sinh kế cho người dân tại các địa phương ven biển Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
10	Đề án phát triển bền vững các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu chế xuất ven biển	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
11	Đề án di dời các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp ô nhiễm, nguy cơ ô nhiễm môi trường tại một số khu vực ven biển có tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch vào các cụm công nghiệp, khu kinh tế biển	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
12	Đề án phát triển năng lượng tái tạo tại vùng biển, ven biển và hải đảo có tiềm năng, lợi thế	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
13	Đề án phát triển bền vững kinh tế biển của vùng biển và ven biển phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Trung, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
14	Đề án xây dựng một số đô thị ven biển thông minh, sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
15	Đề án phát triển kinh tế tư nhân trong lĩnh vực biển và hải đảo đến năm 2030 và xây dựng Quỹ hỗ trợ phát triển bền vững kinh tế biển	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
Giai đoạn 2026 - 2030				
1	Để án tái cơ cấu ngành kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh quốc tế của các ngành kinh tế biển, các vùng biển, ven biển	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
2	Dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông, kết nối liên thông các cảng biển với các vùng, miền, địa phương trong nước và quốc tế phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển	Bộ Giao thông vận tải và các địa phương có biển	Các bộ, ngành có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
3	Đề án nghiên cứu, thăm dò các bể trầm tích, các dạng hydrocarbon phi truyền thống (băng cháy, khí than, khí sét, dầu trong sét …).	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
4	Đề án điều tra, khảo sát, đánh giá tiềm năng các tài nguyên, khoáng sản đáy biển, đặc biệt là các khoáng sản có giá trị cao, có ý nghĩa chiến lược	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
5	Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác thủy sản xa bờ nghề khai thác mang tính tận diệt, không thân thiện với môi trường, nguồn lợi thủy sản và phù hợp với quy định của quốc tế	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
6	Đề án phát triển nuôi trồng hải sản ven bờ theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
7	Đề án phát triển nuôi trồng hải sản tại vùng biển xa bờ theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
8	Chương trình phát triển nghề và làng nghề tại vùng ven biển, đầm phá	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
9	Đề án di dời các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp ô nhiễm, nguy cơ ô nhiễm môi trường tại khu vực ven biển vào các cụm công nghiệp, khu kinh tế biển	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
10	Đề án phát triển điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
11	Đề án xây dựng các đô thị ven biển thông minh, sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
III	**Về nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hoá biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển**			
Đến năm 2025				
1	Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
2	Xây dựng Chương trình thương hiệu biển Việt Nam đến năm 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
3	Đề án xây dựng, hoàn thiện và phát triển các thiết chế văn hoá cho cộng đồng dân cư biển và ven biển	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
4	Dự án xây dựng và quản lý khu dân cư sinh thái ven biển	Uỷ ban dân tộc	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
			biển thuộc vùng Tây Nam Bộ	
5	Dự án xây dựng Bảo tàng - triển lãm và trung tâm thông tin, dữ liệu biển và hải đảo Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và các địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
6	Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân trên các đảo và vùng ven biển; các chế độ, chính sách bảo đảm cho cán bộ y tế tình nguyện ra công tác trên các đảo và vùng bãi ngang ven biển.	Bộ Y tế	Các địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
7	Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển chuyên ngành y học biển	Bộ Y tế	Các địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
8	Đề án hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thu phát triển kinh tế biển để đầu tư cơ sở hạ tầng và giải quyết an sinh xã hội tại vùng khó khăn ven biển và hải đảo	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
9	Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội làng chài các vùng ven biển	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các địa phương có biển.	Thủ tướng Chính phủ
10	Dự án đánh giá mức độ tổn thương và phát triển sinh kế biển bền vững cho đồng bào các dân tộc thiểu số vùng ven biển miền Trung, Tây Nam Bộ trong điều kiện biến đổi khí hậu.	Ủy ban Dân tộc	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
11	Dự án bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa; phát triển và phục hồi các lễ hội truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số ven biển Việt Nam góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch biển, ven biển.	Ủy ban Dân tộc	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
Giai đoạn 2026 - 2030				
1	Đề án duy trì, phát triển các trung tâm văn hoá biển; bảo tồn không gian văn hóa, kiến trúc và di sản thiên nhiên tại các tỉnh, thành phố ven biển	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển	Các các bộ, ngành có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
IV	**Về khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực biển**			
Đến năm 2025				
1	Xây dựng Chương trình khoa học, công nghệ cấp quốc gia về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, , ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
2	Đề án đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, , ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
3	Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc giám sát tài nguyên, môi trường biển quốc gia đến năm 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
4	Đề án ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý trong quản lý biển và hải đảo	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
5	Đề án đào tạo chuyển đổi nghề cho nhân dân vùng ven biển phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, , ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
6	Đề án phát triển đội tàu điều tra, khảo sát, nghiên cứu biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
7	Đề án xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia về biển và hải đảo	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
8	Chương trình khoa học công nghệ phục vụ công tác quản lý tổng hợp và điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
9	Nhóm đề tài nghiên cứu gắn với điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển liên quan tới phóng xạ, năng lượng nguyên tử	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, , ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
10	Đề án xây dựng hệ thống dự báo hải văn cho khu vực biển và hải đảo Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
11	Dự án xây dựng mô hình dự báo tài nguyên nước hạn trung và dài cho các đảo lớn ở Việt Nam, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững các vùng biển đảo	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
12	Đề án nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị ngầm đo đạc, khảo sát, quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
13	Dự án chuyển giao khoa học công nghệ trong khai thác thủy sản, công nghề bảo quản sản phẩm sau khai thác trên các tàu cá.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương có biển	Thủ tướng Chính phủ
14	Đề án phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo; nghiên cứu mở rộng ứng dụng năng lượng tái tạo tại các khu vực ven biển, hải đảo	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
15	Đề án nghiên cứu phát triển công nghệ khai thác bền vững tài nguyên khoáng sản biển khu vực miền Trung bộ (các tỉnh từ Thanh Hóa đến Bình Thuận) phục vụ sản xuất công nghiệp	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thủ tướng Chính phủ
16	Dự án xây dựng bộ chỉ tiêu (chỉ thị) đánh giá và giám sát phát triển bền vững hệ thống đảo ven bờ Việt Nam	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
17	Dự án nghiên cứu về tài nguyên sinh vật ở vùng biển miền Trung và Nam Bộ ứng dụng trong thực phẩm, mỹ phẩm và dược phẩm	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
18	Dự án nghiên cứu ứng dụng các giải pháp cấp điện ổn định, có thể vận hành độc lập bằng nguồn tái tạo cho các đảo không thể nối lưới điện quốc gia	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
19	Dự án nghiên cứu công nghệ chế tạo thiết bị chuyển hóa nước biển thành nước ngọt cho tàu thuyền trên biển và hải đảo trên cơ sở vật liệu quang xúc tác TiO2	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Một số Viện nghiên cứu có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
20	Dự án nghiên cứu phát triển hệ thống nuôi trồng vi tảo biển và rong biển làm thực phẩm tươi cho con người phù hợp với điều kiện đảo bị cô lập dài ngày, thích ứng với biến đổi khí hậu tại một số đảo tiền tiêu của Việt Nam	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Một số Viện nghiên cứu có liên quan	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
21	Dự án sản xuất và ứng dụng máy làm đá tuyết từ nước biển lắp đặt trên tàu cá để bảo quản hải sản chất lượng cao	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thủ tướng Chính phủ
Giai đoạn 2026 - 2030				
1	Đề án thành lập Học viện biển và hải đảo Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
2	Dự án Nghiên cứu phát triển kỹ thuật nuôi một số loài rong thương phẩm góp phần ứng dụng trong thực phẩm	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Các các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
3	Dự án Nghiên cứu phát triển các sản phẩm nhiên liệu sinh học từ nguồn sinh khối rong biển Việt Nam	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Các các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
V	**Về môi trường, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng**			
Đến năm 2025				
1	Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
2	Đề án điều tra, đánh giá tổng thể và xếp hạng sức khỏe hệ sinh thái biển của các địa phương có biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
3	Đề án phục hồi các hệ sinh thái san hô, thảm cỏ biển; đề xuất mở rộng các Khu bảo tồn biển (Cồn Cỏ, Lý Sơn, Nam Yết); thiết lập các Khu bảo tồn biển mới	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
4	Đề án trồng mới và phục hồi rừng ngập mặn ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
5	Dự án điều tra, đánh giá tổng thể di sản địa chất các đảo, quần đảo ven bờ Việt Nam phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
6	Đề án kiểm soát ô nhiễm môi trường biển đến năm 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
7	Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
8	Đề án thành lập Trung tâm quốc tế về rác thải nhựa đại dương	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
9	Đề án điều tra, đánh giá thực trạng xói lở và bồi lắng vùng cửa sông và ven biển, đề xuất giải pháp bảo vệ bờ biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
10	Dự án chống xói sạt lở bờ biển khẩn cấp tại một số địa phương ven biển	UBND tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương có biển	Các bộ, ngành có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
11	Dự án điều tra, đánh giá các chất phóng xạ tự nhiên hiện có trong nước biển, trầm tích biển và tài nguyên sinh vật biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và các địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
12	Dự án đầu tư xây dựng mới trạm ra đa thời tiết và trạm thám không vô tuyến Trường Sa phục vụ công tác dự báo, cảnh báo các hiện tượng thời tiết nguy hiểm, phục vụ phát báo quốc tế	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và UBND tỉnh Khánh Hoà	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
13	Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình nông - lâm- ngư nghiệp theo chuỗi giá trị thích ứng với biến đổi khí hậu tại vùng DTTS ven biển Tây Nam Bộ và Duyên hải miền Trung	Ủy ban dân tộc	Một số viện nghiên cứu liên quan tại khu vực Tây Nam Bộ	Thủ tướng Chính phủ
14	Dự án xây dựng tích hợp và số hoá cơ sở dữ liệu biển địa phương về biển và hải đảo với cơ sở dữ liệu biển quốc gia	UNBD các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thủ tướng Chính phủ
15	Đề án xây dựng hệ thống thu gom chất thải rắn tại các bãi biển	UNBD các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển	Các bộ, ngành có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
Giai đoạn 2026 - 2030				
1	Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2045	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
2	Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước ở các vùng cửa sông ven biển Việt Nam tỷ lệ 1: 50000	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
VI	**Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế**			
Đến năm 2025				
1	Đề án kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia trên biển, đảo	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành có liên quan và các địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
2	Dự án tăng cường trang bị phương tiện cho Công an các huyện ven biển, hải đảo nhằm nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế trên biển, đảo	Bộ Công an	Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành có liên quan và các địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
3	Đề án nghiên cứu, định hướng phát triển huy động tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ công tác Công an tại các huyện ven biển, hải đảo nhằm nâng cao hiệu quả đảm bảo an ninh môi trường trên vùng biển, hải đảo của Việt Nam trong giai đoạn mới	Bộ Công an	Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành có liên quan và các địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
4	Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và các địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
5	Đề án kiện toàn tổ chức kiểm ngư từ trung ương đến địa phương và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho lực lượng kiểm ngư	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành có liên quan và các địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
6	Tiếp tục triển khai các Đề án và tiến hành đàm phán giải quyết các vấn đề trên biển với các nước láng giềng; xây dựng các Đề án bảo vệ chủ quyền, quyền lợi của Việt Nam và tham gia các điều ước quốc tế về biển	Bộ Ngoại giao	Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
7	Tiếp tục triển khai, thực hiện Đề án tổng thể tuyên truyền bảo vệ chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông	Bộ Ngoại giao	Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình
8	Đề án hợp tác giải quyết vấn đề an ninh phi truyền thống ở vùng biển Việt Nam và khu vực Đông Nam Á	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành có liên quan và các địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
Giai đoạn 2026 - 2030				
1	Đề án tăng cường tiềm lực khoa học, kỹ thuật Công an phục vụ Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Công an	Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
2	Đề án xây dựng tiềm lực chính trị trong bảo vệ an ninh trật tự khu vực ven biển	Bộ Công an	Bộ Quốc phòng, bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
3	Đề án xây dựng công trình quốc phòng trên các huyện đảo	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành và địa phương có biển có liên quan	Thủ tướng Chính phủ
4	Dự án xây dựng hệ thống công trình chiến đấu, công trình phòng thủ tuyến ven biển	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành có liên quan và địa phương có biển	Thủ tướng Chính phủ
5	Đề án xúc tiến hình thành Công ước quốc tế về rác thải nhựa đại dương và đăng cai đặt Ban thư ký Công ước tại Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành có liên quan	Thủ tướng Chính phủ